

Số: 114/BC-BPW.

Bình Phước, ngày 06 tháng 04 năm 2021.

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2020**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

**I. Thông tin chung**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3800228182 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 30/12/2008, thay đổi lần thứ 14 ngày 04/06/2020.
- Vốn điều lệ: 132.038.580.000 đồng (*Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 132.038.580.000 đồng (*Một trăm ba mươi hai tỷ, không trăm ba mươi tám triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*).
- Địa chỉ: Số 216 Nguyễn Văn Linh, Khu phố Phú Tân, phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.
- Số điện thoại: 0271 3887548.
- Số fax: 0271 388 7548.
- Website: [www.bpwaco.com.vn](http://www.bpwaco.com.vn).
- Mã cổ phiếu: BPW.
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay).
- Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước tiền thân là Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước, được thành lập theo Quyết định số 18/2001/QĐ-UBND ngày 16/3/2001 của UBND tỉnh Bình Phước và chính thức đi vào hoạt động tháng 06/2001. Công ty đã chuyển thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước hoạt động theo mô hình mới từ ngày 01/01/2009 theo

Quyết định số 2851/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bình Phước ngày 24/12/2008 về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Cấp thoát nước tỉnh Bình Phước thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Ngày 23/04/2012, Ủy Ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 774/QĐ-UBNDT về việc phê duyệt lộ trình sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND tỉnh Bình Phước. Ngày 28/12/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ra quyết định số 2967/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước.

Ngày 03/02/2016, Công ty tổ chức đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả đấu giá như sau:

- + Tổng số lượng cổ phần bán được: 33.100 cổ phần
- + Giá đấu thành công cao nhất: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công bình quân: 10.000 đồng/cổ phần
- + Giá đấu thành công thấp nhất: 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01/04/2017, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước đã chuyển thành Công ty cổ phần cấp thoát nước Bình Phước theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp thay đổi lần thứ 7 ngày 01/04/2017, với số vốn điều lệ là 107.720.000.000 đồng.

Ngày 25/6/2019, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) đã bán đấu giá 11.1115.998 cổ phiếu (84,19% vốn) CTCP Cấp thoát nước Bình Phước (UPCoM: BPW) do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước sở hữu cho Quỹ đầu tư cơ hội PVI.

Tại đại hội cổ đông thường niên ngày 24/4/2020 Đại hội đã thống nhất bầu bổ sung thành viên HĐQT mới do Ông Ngô Đức Vũ có đơn xin từ nhiệm và được Đại hội thống nhất thông qua. HĐQT sau đó đã bầu ông Hồ Việt Hà giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

Trong những năm qua, Công ty đã liên tục nhận được nhiều thành tích thi đua khen thưởng từ Nhà nước, Chính Phủ nước Cộng Hòa XHCN Việt Nam, các Bộ ngành và UBND tỉnh Bình Phước tặng thưởng:

Năm 2005: Cờ thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 450/QĐ-UBND ngày 14/03/2006); Bằng khen của Tỉnh ủy (Quyết định số 168-QĐ/TU, ngày 30/05/2006); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 26/01/2006).

Năm 2006: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 11/09/2007); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 457/QĐ-UBND ngày 14/03/2007).

Năm 2007: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số

558/QĐ-UBND ngày 21/03/2008).

Năm 2008: Bằng khen của UBND tỉnh (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009); Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 11/03/2009).

Năm 2009: Đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 26/03/2010).

Năm 2010: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 590/QĐ-UBND ngày 22/03/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2011: Huân chương Lao động hạng Ba (Quyết định số 251/QĐ-CTN ngày 28/02/2011 của Chủ tịch nước; Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 28/12/2011 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2012: Cờ thi đua xuất sắc (Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 20/03/2013 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2013: Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 821/QĐ-TTg ngày 27/05/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 422/QĐ-UBND ngày 03/3/2014 của UBND tỉnh Bình Phước).

Năm 2014: Cờ Thi đua xuất sắc của UBND tỉnh (Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 25/3/2015 của UBND tỉnh Bình Phước; Giấy khen của Tổng cục trưởng (Quyết định số 418/QĐ-TCLN-VP ngày 16/9/2014 của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp).

Năm 2015: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 22/3/2016 của UBND tỉnh Bình Phước)

Năm 2016: Bằng khen UBND Tỉnh (Quyết định số 825/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND tỉnh Bình Phước)

Năm 2018: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 12/3/2019).

Năm 2019: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 313/QĐ-UBND ngày 20/2/2020).

Năm 2020: Bằng khen UBND tỉnh (Quyết định số 601/QĐ-UBND ngày 12/3/2021).

- Các sự kiện khác:

Quá trình tăng vốn kể từ khi Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần cho đến nay, Công ty đã tăng vốn lần thứ nhất lên 132.038.580.000 đồng theo giấy phép kinh doanh số 3800228182 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh bình Phước cấp lần thứ 14 vào ngày 4/6/2020

## **2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất.)

a) Ngành nghề kinh doanh:

- Hoạt động cấp nước:

Sản lượng nước sản xuất và nước tiêu thụ trong hai năm gần nhất:

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Sản lượng nước sản xuất	M <sup>3</sup>	9.149.126	9.282.747
2	Sản lượng nước tiêu thụ	M <sup>3</sup>	7.543.960	7.789.180
3	Tỷ lệ hao hụt	%	17,68	16,1
4	Giá bán nước sạch b/q	Đồng/m <sup>3</sup>	10.187	10.503

- Hoạt động lắp đặt đường ống nước và đồng hồ nước:

Số TT	Chi tiết	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
1	Số lượng đồng hồ nước lắp đặt	Cái	2.923	3.142
2	Số lượng đường ống lắp đặt	m	47.133,8	48.538

b) Địa bàn kinh doanh:

- Trong năm 2020 Công ty là đơn vị cung cấp nước sạch cho địa bàn thành phố Đồng Xoài và các vùng phụ cận, thị xã Phước Long và KCN Minh Hưng Hàn Quốc của tỉnh Bình Phước với tổng sản lượng cung cấp là 7,77 triệu m<sup>3</sup>/năm. Đây đồng thời cũng là hoạt động chính mang lại 88,18% doanh thu cho Công ty trong năm 2020.

- Công ty thực hiện thi công hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Đồng Xoài và vùng phụ cận, thị xã Phước Long.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**

#### **3.1 Mô hình quản trị**

Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc.

Đại Hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông của Công ty, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty có toàn quyền nhân danh

Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ bỏ phiếu bầu ra Chủ tịch Hội đồng quản trị, Người đại diện pháp luật của công ty. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc hay bất kỳ cán bộ quản lý hoặc người đại diện nào của công ty nếu có cơ sở để Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo hợp đồng của người bị bãi nhiệm (nếu có).

Ban kiểm soát là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc, được phân công và ủy nhiệm quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phân việc được phân công và ủy nhiệm.

Các phòng ban liên quan.

a) Phòng Hành chính tổ chức

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc công tác tổ chức, cán bộ, nguồn lực, đào tạo, bảo hộ lao động, bảo vệ nội bộ, công tác hành chính quản trị và công tác tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc về công tác tuyển dụng, quy hoạch, đề bạt cán bộ công ty;

- Quản lý lao động, thực hiện công tác tiền lương của người lao động Công ty;

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, cho cán bộ, nhân viên và thi tay nghề công nhân toàn công ty;

- Phối hợp với các đơn vị và các bộ phận có liên quan tổ chức và huấn luyện lực lượng phòng chống tai nạn, sự cố trong sản xuất phù hợp đặc điểm của Công ty, đơn vị;

- Thực hiện các báo cáo có liên quan. Thực hiện công tác bảo vệ nội bộ theo quy định của pháp luật và Ban Tổng Giám đốc Công ty giao;

Quản lý các công tác quản trị khác.

b) Phòng Kế toán

- Thực hiện các nhiệm vụ kế toán, hệ thống sổ sách kế toán, tổng hợp báo cáo định kỳ với các cơ quan chức năng;

- Lập kế hoạch thanh toán các hợp đồng, các khoản thu chi hàng tháng kịp thời, thực hiện đúng các chế độ thanh toán tiền lương, phụ cấp. Chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính trình Ban Tổng Giám đốc kịp thời, đúng quy định;

- Có trách nhiệm theo dõi, đối chiếu kịp thời công nợ, tích cực đôn đốc, thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ. Tham mưu, đề xuất Ban Giám đốc có biện pháp xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, thu hồi công nợ;

- Tham mưu cho Ban Giám đốc ban hành Quy chế quản lý nợ tại Công ty; Quyết định mức trích lập dự phòng hoặc xoá nợ theo quy định, tránh để phát sinh nợ xấu, nợ dây dưa kéo dài.

c) Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Tham mưu cho Giám đốc điều hành trong công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối được nguồn thu chi trong toàn bộ Công ty;

- Phân tích kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, sử dụng nguồn vốn của công ty;

- Đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng nguồn vốn, các biện pháp quản lý có hiệu quả nhất;

- Thực hành, quản lý các hoạt động tài chính kế toán khác kịp thời, chính xác và hiệu quả nhất;

- Nghiên cứu, phân tích thị trường hoạt động của Công ty để đưa ra các chiến lược tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc đồng thời lên kế hoạch chi tiết để hiện thực hóa các kế hoạch đã được phê duyệt.

d) Phòng Kỹ thuật đầu tư

- Xây dựng các quy định, quy trình, tiêu chuẩn về khai thác, sản xuất, kinh doanh của Công ty dựa trên các căn cứ pháp lý hiện hành có liên quan;

- Lập và thực hiện công tác vận hành mạng lưới theo quy định phù hợp với khả năng sản xuất, mua nước của Công ty;

- Xây dựng và đề xuất áp dụng các quy định về tiêu chuẩn vật tư, trang thiết bị chuyên ngành cấp nước;

- Xây dựng các quy định kỹ thuật về quản lý, sử dụng, vận hành các loại máy móc, trang thiết bị, phương tiện cơ giới phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Quản lý kỹ thuật các đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ tổng tách mạng;

- Nghiên cứu xây dựng và đề xuất việc thực hiện các chương trình, biện pháp nhằm đảm bảo an toàn lao động;

- Vệ sinh lao động đối với người và máy móc thiết bị trong sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Cập nhật, lưu trữ hồ sơ, sơ đồ hệ thống cấp nước. Hoàn chỉnh sơ đồ cấp nước tổng thể, từ ống phân phối trở lên. Hoàn chỉnh sơ đồ giếng và bãi giếng.

#### e) Phòng Quản lý chất lượng nước

- Theo dõi, kiểm tra, lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thô, nước đã qua xử lý, nước của từng công đoạn dây chuyền công nghệ trong nhà máy, xí nghiệp, tại trạm bơm tiếp áp, tại mạng truyền dẫn, mạng phân phối, tại các hộ tiêu dùng, vòi nước bể chứa công cộng;

- Tổ chức kiểm tra đôn đốc các nhà máy, trạm sản xuất nhỏ, trạm bơm tăng áp đảm bảo tốt vệ sinh nguồn nước, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh công nghệ xử lý nước;

- Kiểm tra giám sát các đơn vị thực hiện các quy trình công nghệ để đảm bảo chất lượng nước theo tiêu chuẩn hóa lý, vi sinh;

- Luôn nắm bắt kịp thời chất lượng nước và có các biện pháp tức thời khi phát hiện chất lượng nước không đảm bảo tiêu chuẩn cho phép, nhất là trong những mùa có dịch bệnh;

- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn về chỉ tiêu chất lượng nước, chỉ tiêu vệ sinh môi trường cho từng nhà máy, xí nghiệp, trạm sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn nhà nước, với đặc thù của từng đơn vị trong toàn Công ty.

#### f) Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Đồng Xoài và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

#### g) Xí nghiệp cấp nước Phước Long

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch khu vực thị xã Phước Long và vùng phụ cận, bao gồm các khu dân cư, khu đô thị, khu công nghiệp;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

#### h) Xí nghiệp cấp nước Minh Hưng III

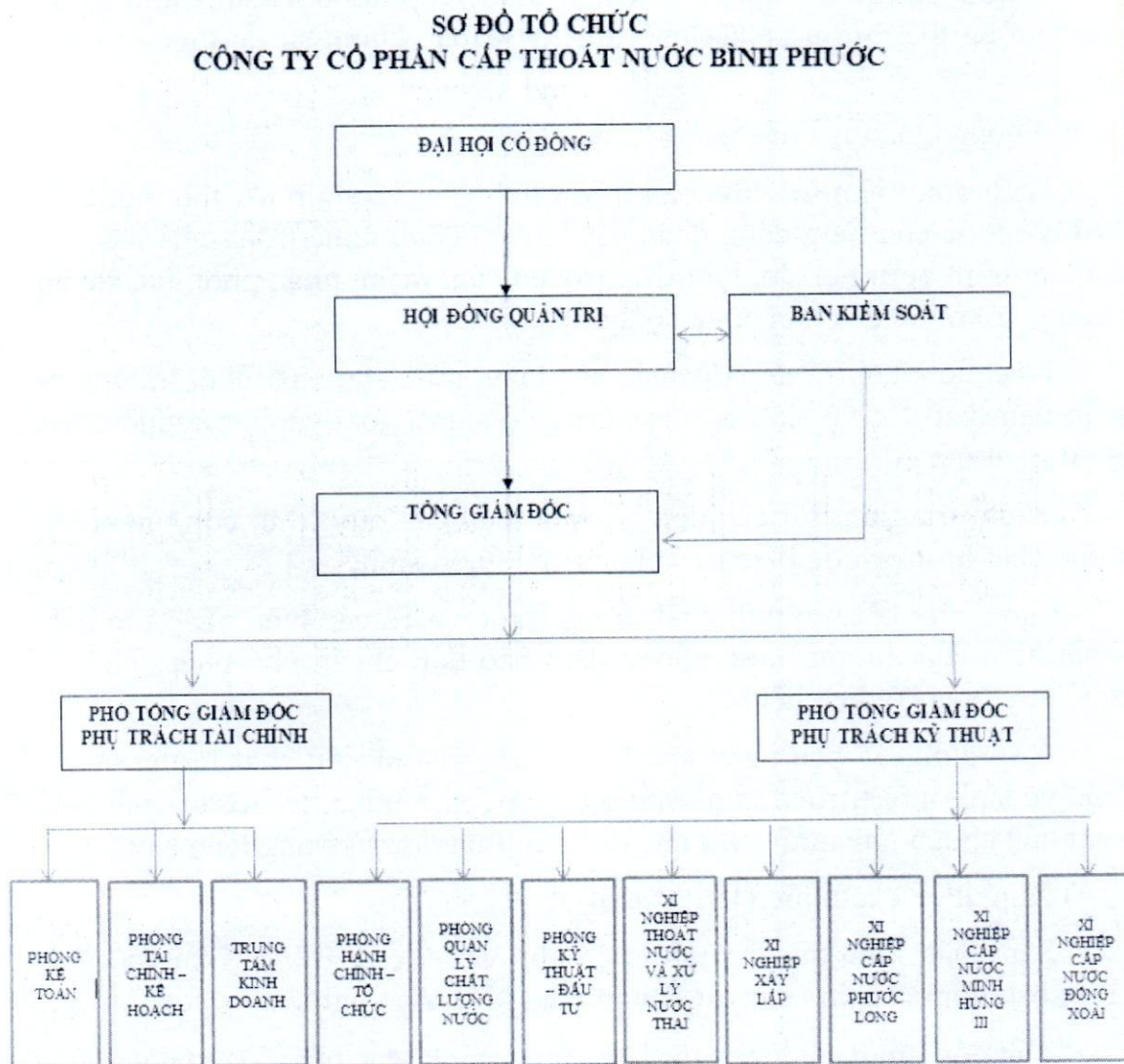
- Sản xuất, kinh doanh nước sạch cho Khu Công Nghiệp Minh Hưng Hàn Quốc;

- Hoạt động một số công việc khác theo sự chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

i) Trung tâm kinh doanh

Trung tâm kinh doanh có nhiệm vụ tiếp thị, bán hàng, chăm sóc khách hàng, thông tin khách hàng, lập và hoàn thiện hồ sơ dịch vụ cấp nước cho khách hàng và một số nhiệm vụ liên quan khác do Tổng giám đốc giao

### 3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



### 4. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- BPWater luôn coi con người là giá trị cốt lõi quan trọng nhất. Công ty không ngừng tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cộng sự luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng, được hỗ trợ bởi quy trình liên tục cải tiến, được thúc đẩy bởi công nghệ đột phá và luôn phản ứng nhanh với mọi thay đổi, phát triển toàn cầu;



- Đem đến sản phẩm nước sạch cho cuộc sống trên quê hương Bình Phước;

- Nhà cung cấp số một các sản phẩm về nước sạch trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đến năm 2021 đạt doanh thu kế hoạch 108,383 tỷ đồng, dịch vụ uy tín, chuyên nghiệp.

b) Kế hoạch phát triển

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch Năm 2021
<b>I</b>	<b>Các chỉ tiêu sản xuất</b>			
1	Nước máy sản xuất	m <sup>3</sup>	9.282.747	10.394.502
2	Nước máy thương phẩm	m <sup>3</sup>	7.789.180	8.720.672
3	Tỷ lệ thất thoát bình quân	%	16,1	16,1
4	Lắp đặt đồng hồ mới	Đồng hồ	3.142	3.401
5	Khôi phục khách hàng sử dụng nước	KH	606	700
<b>II</b>	<b>Các chỉ tiêu tài chính</b>			
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	92.773	108.383
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	82.781	96.183
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	9.992	12.200

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Chương trình Lao động giỏi;
- Chương trình sáng kiến phát triển Công ty;
- Chương trình BPWater “Trụ sở là nhà, nhà máy là công viên”;
- Chương trình giảm tiêu hao nguyên, nhiên liệu, tiết kiệm chi phí trong sản xuất kinh doanh, tăng thu nhập cho người lao động.
- Chương trình “ vì mục tiêu dân sinh” nhằm mở rộng vùng cấp nước, hỗ trợ người dân ở khu vực khó khăn được dùng nước sạch.
- Chương trình môi lao động của BPWater là một tuyên truyền viên;

## 5. Các rủi ro, khó khăn

Do ảnh hưởng dịch CoVid 19, chuyển đổi kỳ ghi làm sản lượng tiêu thụ giảm và trong năm Công ty thực hiện giảm giá nước sinh hoạt 03 kỳ và miễn tiền nước làm doanh thu và lợi nhuận bị giảm.

Tại các điểm cao và khu vực bất lợi trên mạng lưới thường không đủ áp lực nước vào giờ cao điểm.

Tỷ lệ người dân sử dụng nước của Công ty vẫn còn hạn chế. Do vẫn còn thói quen sử dụng nước giếng và sử dụng song song hai nguồn nước để sử dụng sinh hoạt hàng ngày, nên sản lượng tiêu thụ còn thấp.

Việc đầu tư mở rộng các dự án, công trình, mạng lưới cấp nước còn nhiều khó khăn do nguồn vốn đầu tư Công ty còn hạn chế.

Hiện tượng biến đổi khí hậu làm suy giảm chất lượng nước đầu vào, làm tăng chi phí nguyên vật liệu như vôi, phèn, Clo;

Trình độ dân trí còn thấp vì vậy ý thức về bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp thoát nước và sử dụng nước sạch còn thấp. Người dân chưa đánh giá đúng về tầm quan trọng của việc sử dụng nước sạch trong sinh hoạt;

Hiện nay hiện tượng sử dụng nước giếng khoan ở trong các khu dân cư, ở các khu công nghiệp còn nhiều làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

### II. Tình hình hoạt động trong năm

#### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Các chỉ tiêu cơ bản của Công ty

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2020

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Số tt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Thực hiện 2020	Tăng (giảm)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.115	86.064	4.949
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	162	66	(96)
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	80.953	85.998	5.045

4	Giá vốn hàng bán	45.039	45.939	900
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	35.914	40.059	4.145
6	Doanh thu hoạt động tài chính	4.397	6.011	1.614
7	Chi phí tài chính	17.520	17.177	(343)
	<i>Trong đó chi phí lãi vay</i>	<i>17.520</i>	<i>17.177</i>	<i>(343)</i>
8	Chi phí bán hàng	8.220	7.116	(1.104)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.286	12.310	1.024
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	3.285	9.467	6.182
11	Thu nhập khác	640	764	124
12	Chi phí khác	131	239	108
13	Lợi nhuận khác	509	525	16
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.794	9.992	6.198
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	302	1.460	1.158
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.492	8.532	5.040
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	264	646	382

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tốt các kế hoạch sản xuất kinh doanh nên các chỉ tiêu về doanh thu đều tăng so với năm 2019, trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng nhiều nhất đạt 85.998 triệu đồng, tăng 5.045 triệu đồng so với năm 2019. Đồng thời Công ty cũng cắt giảm và tiết kiệm các được các khoản chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh nên giá vốn hàng bán chỉ tăng 900 triệu đồng so với năm 2019. Do vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty đạt 9.992 triệu đồng, tăng 6.198 triệu đồng so với năm 2019. Qua đó cho thấy Công ty đang hoạt động sản xuất theo hướng phát triển ngày càng phát triển tốt hơn.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch năm 2020.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	96.530	92.773	96,11
2	Doanh thu thuần về BH và CCDV	Tỷ đồng	90.942	85.998	94,56
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.372	9.992	156,81
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.098	8.532	167,36
5	Lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ	%	3,5%	6,46%	184,57
6	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%	5,60	9,9	176,79
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	132.038	132.038	100

Trong năm 2020, doanh thu của Công ty chỉ đạt 96,11%, nhưng do Công ty cắt giảm được chi phí sản xuất kinh doanh nên các chỉ tiêu về lợi nhuận đều đạt vượt mức so với kế hoạch đề ra.

## 2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Huỳnh Văn Lâm - Thành viên HĐQT; Tổng giám đốc

Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Ngãi
Ngày/tháng/năm sinh	30/3/1983	Địa chỉ thường trú	Tổ 5 - Khu phố Phú Mỹ - Phường Tân Phú - thành phố Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số	Cấp ngày 4/4/2014 tại Bình Phước
Trình độ học vấn	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng		

b) Bà Phạm Thị Loan- Phó Tổng giám đốc

Giới tính	Nữ	Quê quán	Hà Nam
Ngày/tháng/năm sinh	05/8/1981	Địa chỉ thường trú	Số nhà 37 đường Bạch Đằng, P Tân Phú, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 285665681	Cấp ngày 24/8/2012
Trình độ học vấn	Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ quản trị kinh doanh		

- Những thay đổi trong ban điều hành: Miễn nhiệm chức danh Phó tổng giám đốc đối với ông Trần Ngọc Nguyên kể từ tháng 2/2020 (Chuyển công tác)

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2020 là 93 người.

- Các thay đổi chính sách đối với người lao động:

+ Thực hiện công việc rà soát sử dụng lao động, bố trí sắp xếp lại các phòng, nhân sự, tiết kiệm chi phí,...nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Doanh nghiệp. Kịp thời giải quyết các chế độ cho Người lao động đúng thời gian quy định;

+ Thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch rõ ràng gắn với hiệu quả thực hiện công việc của từng cá nhân đến từng đơn vị trực thuộc.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

Các dự án:

DVT: Đồng

STT	Danh mục đầu tư, mua sắm, sửa chữa	Chi phí kế hoạch theo nghị quyết ĐHCĐTN năm 2020	Chi phí đã thực hiện (Giá trị bao gồm thuế GTGT)	Ghi chú	Tình trạng thực hiện
A	<b>Đầu tư mở rộng tuyến ống</b>	<b>12,636,543,548</b>	<b>10,094,053,617</b>		
1	Khu vực Đồng Xoài	8,396,246,995	6,737,530,827		Đã hoàn thành

2	Khu vực Phước Long	4,240,296,553	3,356,522,790		Đã hoàn thành
<b>B</b>	<b>Đầu tư chống thất thoát</b>	<b>6,500,000,000</b>	<b>1,462,433,016</b>		
1	Khu vực Đồng Xoài: Thực hiện lập phân vùng tách mạng và triển khai lắp đặt các DMA	2,500,000,000			
2	Khu vực Phước Long : Đầu tư dự án chống thất thoát tổng thể	4,000,000,000	1,462,433,016		Đã hoàn thành
<b>C</b>	<b>Đầu tư tự động hóa</b>	<b>10,000,000,000</b>	<b>1,640,000,000</b>		
1	Hệ thống Scada	8,000,000,000			
2	Phần mềm ghi thu	1,000,000,000	1,640,000,000		Đã hoàn thành
3	Phần mềm quản lý mạng	1,000,000,000			
<b>D</b>	<b>Đầu tư cải tạo nhà máy</b>	<b>26,864,000,000</b>	<b>20,060,897,506</b>		
I	Đồng Xoài	15,000,000,000	8,436,072,000		
1	Nâng cấp nhà máy nước ĐX lên 30.000m <sup>3</sup> ngày đêm	15,000,000,000	8,436,072,000	Tạm tính	Đang thực hiện
II	Phước Long	11,669,000,000	11,306,362,006		
1	Cải tạo nhà máy nước Phước Long	5,850,000,000	5,489,875,500		
a	Xây dựng Bể chứa nước sạch 800m <sup>3</sup> và chống thấm bể chứa hiện hữu	4,150,000,000	3,983,435,000	Tạm tính	Đang thực hiện
b	Cải tạo Trạm 1 nhà máy cấp nước Phước Long (Cải tạo hệ thống phao nổi)	1,700,000,000	1,506,440,500		Đã hoàn thành
2	Tuyến ống truyền tải nước sạch hướng từ đồi 230 đi cầu Thác Mệ	5,819,000,000	5,816,486,506	Tạm tính	Đang thực hiện
III	Minh Hưng	195,000,000	178,557,500		
1	Mua bơm chìm công suất 5.5kw	195,000,000	144,100,000		Đã hoàn thành
2	Mua bình Clo rỗng và phụ tùng kèm theo		34,457,500	Bổ sung	
IV	Văn Phòng				

			139,906,000		
1	2 Trụ nước uống tại vòi		139,906,000	Bổ sung	Đã hoàn thành
<b>Tổng cộng</b>		<b>56.000.543.548</b>	<b>33.257.384.139</b>		

Hoàn thành Cải tạo Trạm 1 nhà máy cấp nước Phước Long (Cải tạo hệ thống phao nổi); đầu tư hoàn thành 48 tuyến ống các loại với chiều dài 48.538m và đã lắp đặt 866 đồng hồ mới trên các tuyến ống này, khôi phục 606 khách hàng sử dụng lại, Các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đúng tiến độ. Góp phần làm tăng sản lượng tiêu thụ, đảm bảo nguồn cung cấp nước sạch cho khách hàng trên địa bàn thành phố Đồng Xoài, Phước Long, các Khu Công nghiệp và các khu vực lân cận.

Hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty T&D với số tiền 70 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không.

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	432.715	413.236	(4,46)
Doanh thu thuần	85.991	92.773	7,89
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.285	9.093	276,8
Lợi nhuận khác	509	899	176,6
Lợi nhuận trước thuế	3.794	9.992	263,4
Lợi nhuận sau thuế/VĐL	3,5%	6,46%	184,6

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,35	3,03	
Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn/Hàng tồn kho, nợ ngắn	1,77	2,11	

hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,66	
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,25	1,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	5,60	6,15	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq			
Vòng quay tổng tài Sản	0,19	0,21	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,31	9,92	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,63	6,07	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,81	2,06	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,06	11,01	

### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần: Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông.

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mã chứng khoán: BPW.

Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 13.203.858 cổ phần, trong đó:

- Cổ phần của Quỹ đầu tư cơ hội (PVI): 11.115.998 cổ phần tương ứng 84,19%; Ngày 25/12/2020 Quỹ đầu tư cơ hội PVI đã chuyển giao cho Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP 11.115.998 cổ phần tương ứng 84,19% vốn chủ sở hữu.

- Cổ phần Công ty cổ phần SX – XD – TM và NN Hải Vương : 1.818.160 cổ phần tương ứng 13,77%;

- Cổ phần của người lao động công ty và nhà đầu tư khác: 269.700 cổ phần tương ứng 2,04%;

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD: 1.965.860 cổ phần phổ thông. Trong đó, có 1.818.160 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm do phân phối cho nhà đầu tư chiến lược từ ngày 01/04/2017 đến 01/04/2022; 147.700 cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng theo thời gian cam kết làm việc của từng



người lao động.

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán. Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

b) Cơ cấu cổ đông cập nhật theo danh sách cổ đông ngày 31/12/2020)

Số tt	Loại cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	88	13.203.858	132.038.580.000	100
1	Cá nhân	86	269.700	2.697.000.000	2,04
2	Tổ chức	2	12.934.158	129.341.580.000	97,96
II	Cổ đông nước ngoài				
1	Cá nhân				
2	Tổ chức				
III	Cổ phiếu quỹ				
<b>Tổng cộng</b>		<b>88</b>	<b>13.203.858</b>	<b>132.038.580.000</b>	<b>100</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Ngày 25/6/2019, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) đã bán đấu giá 11.115.998 cổ phiếu (84,19% vốn) CTCP Cấp thoát nước Bình Phước (UPCoM: BPW) do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước sở hữu cho Quỹ đầu tư cơ hội PVI.

Ngày 25/12/2020 Quỹ đầu tư cơ hội PVI đã chuyển giao cho Công ty cổ phần đầu tư ngành nước DNP 11.115.998 cổ phần tương ứng 84,19% vốn chủ sở hữu.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh.

e) Các chứng khoán khác: Không phát sinh

## **6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

### **6.1. Tác động lên môi trường**

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Chưa xác định

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không phát sinh.

## 6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm

Stt	Nguyên nhiên vật liệu	Số lượng (kg)	Giá trị (đồng)
1	Vôi	60.905	275.716.263
2	PAC	123.980	1.639.200.493
3	Cl <sub>2</sub>	20.227	317.213.196
<b>Tổng giá trị sử dụng nguyên liệu</b>			<b>2.232.129.952</b>

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không phát sinh.

## 6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Điện năng tiêu thụ năm 2020

Đối tượng	Đơn vị tính	Số lượng
Sản lượng tiêu thụ	KW	4.363.207
Giá trị tiêu thụ	Triệu đồng	7.632

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không phát sinh.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không phát sinh.

## 6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp: Công ty lấy nguồn nước thô từ các hồ: Hồ Đồng Xoài, Hồ nước Thủy điện Thác Mơ và nguồn nước ngầm từ giếng khoan (Minh Hưng);

- Lượng nước sử dụng.

Bộ phận	ĐVT	Năm 2019	Năm 2020
Đồng Xoài	m <sup>3</sup>	6.074.497	6.269.836

Phước Long	m <sup>3</sup>	1.339.573	1.836.287
Minh Hưng	m <sup>3</sup>	1.735.256	1.176.624
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.149.326</b>	<b>9.282.747</b>

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không phát sinh.

#### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không phát sinh.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không phát sinh.

#### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2020 là 93 người, với thu nhập bình quân 10.920.176 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty có chính sách hàng năm cho người lao động khám sức khỏe định kỳ với tổng chi phí 44 triệu đồng;

- Mua sắm bảo hộ lao động cho người lao động công ty là 1.000.000 đồng/người/năm;

- Tổ chức cho người lao động đi tập huấn an toàn lao động;

- Hỗ trợ cho người lao động còn khó khăn trong Công ty;

- Tổ chức thăm ốm đau, hiếu hỷ đến người lao động Công ty và người thân của người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Chưa xác định.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

- + Chương trình Lao động giỏi;

- + Chương trình sáng kiến phát triển Công ty;

- + Chương trình BPWater “Trụ sở là nhà, nhà máy là công viên”;

- +Chương trình phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

+ Chương trình mỗi lao động của BPWater là một tuyên truyền viên.

### 6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

- Chi hỗ trợ đồng bào ăn tết với số tiền: 5 triệu đồng;
- Chi ủng hộ phòng chống thiên tai 114 triệu đồng;
- Chi ủng hộ bắn pháo hoa mừng xuân 2020: 100 triệu đồng
- Chi ủng hộ Quỹ “ Vì người nghèo” trung ương: 50 triệu đồng
- Chi cho các hoạt động hiếu hỷ, ủng hộ các quỹ, các hoạt động phúc lợi khác: 19 triệu đồng.

### 6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

## III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% thực hiện so với kế hoạch
1	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	96.530	92.773	96,11
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.372	9.992	156,81
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.098	8.532	167,36
4	Tỷ lệ cổ tức / vốn điều lệ	%	3,5%	6,46%	184,57%
5	Tỷ suất lợi nhuận thuần	%	5,60	9,9	176,79
6	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	132.038	132.038	100

Kết quả tổng hoà các yếu tố trên đã được phản ánh đầy đủ trên báo cáo tài chính năm 2020. Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra. Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Doanh thu năm 2020 đạt thấp so với kế hoạch là 3.757 triệu đồng, đạt 96%. Nguyên nhân giảm do chuyển đổi kỳ ghi và ảnh hưởng dịch CoVid làm giảm sản lượng và trong năm thực hiện giảm giá nước sinh hoạt 03 kỳ làm doanh thu giảm (nếu không thực hiện giảm giá và chuyển đổi kỳ ghi thực hiện năm 2020: 97.324 triệu đồng, đạt 100,82% kế hoạch )

Phát triển khách hàng mới thực hiện trong năm 3.142 cái /2.219 cái đạt 141,59% chỉ tiêu này đạt vượt theo kế hoạch đề ra góp phần gia tăng sản

lượng và lợi nhuận. Công tác tiếp nhận và phản ánh các thông tin của khách hàng, thực hiện kiểm tra định kỳ đồng hồ, tiếp thị khách hàng sử dụng nước Công ty ngày càng được nâng cao hơn;

Công ty đã kiểm soát tỷ lệ thất thoát tốt và đã giảm thất thoát toàn công ty xuống còn 16% (Kế hoạch giao 16,8% thực hiện giảm 0,8%,). Nguyên nhân chính trong năm 2020 Xí nghiệp cấp nước Đồng Xoài đã có những biện pháp quản lý tốt tỷ lệ thất thoát nước bình quân xuống còn 12,89% , giảm 1,11% (kế hoạch giao 14%) , bình quân năm 2020 kéo theo tỷ lệ thất thoát bình quân chung toàn công ty giảm xuống còn 16% vượt kế hoạch giao, tại Xí nghiệp Phước Long kế hoạch giao 31,5% thực hiện 32,04 % tăng 0,54%, do trong năm độ đục nước thô tăng nên thường xuyên xả nước rửa lọc trong nhà máy nhiều, ngoài ra ngoài ra các tuyến ống truyền tải uPVC đã sử dụng trên 20 năm ngoài mạng bị bê vỡ nhiều nên làm tăng tỷ lệ thất thoát, tuy nhiên so với kết quả thực hiện năm 2019 năm 2020 đã đầu tư các cụm đồng hồ phân vùng tách mạng để kiểm soát thất thoát đã giảm 4,31% (năm 2019: 36,5%); tại Xí nghiệp Minh Hưng kế hoạch giao 10,03% thực hiện 10,06% tăng 0,03% nguyên nhân do chất lượng nước thô trong năm có nhiều biến động nên nước xả lọc trong nhà máy sử dụng nhiều.

Lợi nhuận trước thuế đạt 9.992 triệu đồng, vượt kế hoạch giao (6.372 triệu đồng) là 3.620 triệu đồng, đạt 156,81%. Nguyên nhân chính do Công ty đã thực hiện giảm tỷ lệ thất thoát, giảm một số khoản chi phí như chi phí quản lý.....Chi phí sửa chữa

Thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về: Công bố thông tin đối với Công ty đại chúng thị trường (sàn) UPCOM, chính sách thuế, đóng các loại bảo hiểm cho Người lao động, ..., thực hiện các Nội quy lao động, thảo ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,35	3,03	
Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn/Hàng tồn kho, nợ ngắn hạn	1,77	2,11	

2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,66	
Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,25	1,94	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bq	5,60	6,15	
Vòng quay tổng tài Sản			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bq	0,19	0,21	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,31	9,92	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	2,63	6,07	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,81	2,06	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,06	11,01	

Hệ số thanh toán ngắn hạn của cả 2 năm đều >1, điều này nói lên tình trạng tài chính ngắn hạn của một Công ty lành mạnh. Năm 2020 cao hơn so với năm 2019 và tăng 29%, hệ số này càng cao thì khả năng thanh toán công nợ càng cao cho thấy khả năng đáp ứng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn cao. Công ty đang rất chủ động trong việc thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn;

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn năm 2020 đều tăng so với năm 2019 và hầu hết đều giảm, nguyên nhân trong năm 2020 Công ty đã thanh toán bớt các khoản nợ vay. Điều này chứng tỏ Công ty có khả năng tự chủ tài chính cao, mặc dù Công ty đã đi vay đầu tư (vay vốn ODA của Ngân hàng thế giới đầu tư dự án Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước thị xã Đồng Xoài công suất 20.000m<sup>3</sup>/ngày đêm với tổng dư nợ vay đến 31/12/2020 là 229.571 triệu đồng, chiếm 94,78% tổng nợ vay dài hạn phải trả), tuy nhiên nguồn lực tài chính của Công ty luôn đảm bảo an toàn và tự chủ cao;

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động trong năm 2019 và năm 2020 ổn định và biến chuyển theo chiều hướng gia tăng. Điều này cho thấy hiệu quả của việc sử dụng vốn, sử dụng tài sản và hàng tồn kho của Công ty ổn định và an toàn;

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2020 đều tăng cao so với năm 2019 và đều >1. Điều này cho thấy Công ty đang hoạt động kinh doanh có hiệu quả.

b) Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2020, Công ty không có phát sinh nợ quá hạn. Chi tiết các khoản vay cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>1.646.610.000</b>	<b>29.568.765.868</b>	<b>10.252.702.410</b>
Vay ngắn hạn			
- Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Bình Phước		13.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Bình Phước		2.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước		5.330.787.671	
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả			
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước	1.566.610.000	1.566.610.000	1.566.610.000
- Bộ Tài Chính		6.750.000.000	6.750.000.000
- Công ty cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Nhà Bình Phước	80.000.000	765.914.510	841.810.568
- Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú(4)		155.453.687	1.094.281.842
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>253.322.546.910</b>	<b>242.214.326.917</b>	<b>236.003.854.193</b>

- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng giao dịch Bình Phước(1)	3.916.513.798	2.349.903.798	783.293.798
- Bộ Tài Chính(2)	249.086.033.112	235.586.033.112	229.571.840.795
- Công ty cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Nhà Bình Phước(3)	320.000.000	2.983.658.040	2.521.327.762
- Công ty cổ phần Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú(4)		1.294.731.967	3.127.391.838
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	7.049.733.798	9.237.978.197	10.252.702.410
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	253.002.546.910	242.214.326.917	236.003.854.193

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018, 2019, 2020 của Công ty CP cấp thoát nước Bình Phước.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(1) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Phòng Giao dịch Bình Phước được điều chỉnh theo Phụ lục hợp đồng số 01-2005/PLHĐ-ODA ngày 07/10/2005 với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền vay: 26.632.358.798 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng cơ bản
- Thời hạn vay: 25 năm. Trong đó thời gian ân hạn là 8 năm và thời gian trả nợ là 17 năm;
- Lãi suất cho vay: 0%, phí quản lý là 0,2%/năm, tính trên số dư thực tế;

(2) Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính Việt Nam và Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bình Phước ngày 18/12/2011 về việc sử dụng một phần khoản tín dụng số 4948-VN của Hiệp hội phát triển quốc tế IDA với các điều khoản chi tiết sau:

- Mục đích: Đầu tư xây dựng cơ bản;
- Hạn mức: Bộ Tài chính Việt Nam dành cho Công ty một khoản tín dụng bằng tiền đồng Việt Nam không vượt quá 270.000.000.000 VND, tương đương 13.846.355 USD;
- Thời hạn vay: Khoản vay hoàn trả cho Bộ Tài chính Việt Nam trong thời hạn 25 năm kể từ ngày rút vốn đầu tiên từ khoản vay lại, trong đó có 5 năm ân hạn, thực hiện theo 40 bán niên bằng nhau vào các ngày 15/05 và 15/11 hàng năm;



- Lãi suất: 6,75%/năm và phí quản lý 0,2%/năm trả lãi vào ngày 15/05 và 15/11 hàng năm, lãi phạt bằng 150% lãi suất cho vay;

(3) Khoản vay Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Bình Phước theo hợp đồng số 01/HĐUV ngày 17/04/2018 và hợp đồng số 02/HĐUV ngày 29/06/2019 với các điều khoản chi tiết sau:

- Tổng số tiền vay: 3.829.572.550 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng cơ bản
- Thời hạn vay: 5 năm;
- Lãi suất vay: 0%;
- Kỳ trả nợ: Mỗi năm Công ty trả 20% giá trị khoản vay;

(4) Khoản vay Công ty Cổ phần KCN Bắc Đồng Phú theo Hợp đồng số 01/2019/HĐUV-BĐPCTN ngày 11/06/2019, hợp đồng số 02/2019/HĐUV-BĐPCTN ngày 18/06/2019 và hợp đồng số 02/2019/HĐUV-BĐPCTN ngày 25/09/2019 với các điều khoản chi tiết như sau:

- Tổng số tiền vay: 1.450.185.654 VND;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư xây dựng cơ bản;
- Thời hạn vay: 3 năm;
- Lãi suất vay: 0%;
- Kỳ trả nợ: Trả nợ thành 3 kỳ theo điều khoản trong Hợp đồng;

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**

Công ty đã chuyển sang hoạt động với mô hình công ty cổ phần đã được gần 4 năm. Trong gần 4 năm hoạt động với mô hình mới, Công ty đã có những chuyển đổi về cơ cấu tổ chức, sắp xếp lại nhân sự nhằm tinh gọn bộ máy hoạt động và phát huy hết tiềm năng về nguồn nhân lực của Công ty hiện có. Cụ thể Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành các Nghị quyết/ Quyết định về tổ chức, định hướng sản xuất kinh doanh và quyết định khác nhằm điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp và hiệu quả.

### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

- BPWater luôn coi con người là giá trị cốt lõi quan trọng nhất. Chúng tôi không ngừng tìm kiếm, đào tạo và phát triển những cộng sự luôn luôn chăm chỉ, cần mẫn, nhiệt tâm, không ngừng học hỏi, phấn đấu, bất chấp mọi thử thách, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, làm việc vì đam mê, sống có lý tưởng, được hỗ trợ bởi quy trình liên tục cải tiến, được thúc đẩy bởi công nghệ đột phá và luôn phản ứng nhanh với mọi thay đổi, phát triển toàn cầu;

- Dem đến sản phẩm nước sạch cho cuộc sống trên quê hương Bình Phước;

- Nhà cung cấp số một các sản phẩm về nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đến năm 2021 đạt doanh thu trên 108.383 triệu đồng, dịch vụ uy tín, chuyên nghiệp.

**5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách cho người lao động theo đúng quy định: Chế độ bảo hiểm, thai sản, ốm đau, an toàn lao động... các chế độ khác liên quan đến người lao động

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng, với địa phương. Hàng năm Công ty đóng góp và ủng hộ các tổ chức trên địa bàn tỉnh.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

Trong năm 2020, Tình hình sản xuất kinh doanh nước ngày càng có sự biến chuyển tích cực về số lượng và chất lượng. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 có lãi trước thuế 9.992 triệu đồng so với kế hoạch được giao tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 là 6.372 triệu đồng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào điều hành và sản xuất kinh doanh đã đem lại hiệu quả tốt. Công tác sản xuất, thi công đảm bảo theo đúng quy trình, chất lượng do Bộ Y tế quy định, đảm bảo về chất lượng và an toàn nước sạch cho người dân sử dụng, đồng thời còn góp phần bảo vệ môi trường địa phương nơi Công ty hoạt động

**2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Mặc dù trong năm 2020 còn gặp nhiều khó khăn nhưng Ban Tổng giám đốc đã kịp thời chỉ đạo và có nhiều sáng tạo, mạnh dạn trong lãnh đạo tập thể người lao động Công ty, điều hành linh hoạt hoạt động SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

**3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

a) Về mặt quản lý

HDQT nâng cao năng lực quản lý điều hành, đổi mới công tác quản lý, đảm bảo hoạt động của Công ty đầy nhanh tốc độ phát triển và hiệu quả.

Triển khai chương trình hành động năm 2021 đến các bộ phận, cá nhân có liên quan thực hiện theo đúng thời gian quy định.

Tổ chức bộ máy theo hướng phân vùng quản lý mạng lưới, khu vực, quản lý khách hàng với mục đích gia tăng chất lượng dịch vụ khách hàng, kịp thời khắc phục các sự cố cấp nước.

Sắp xếp, bố trí công việc theo mảng, chuyên đề. Hướng tới việc khoán lương cho bộ phận trực tiếp, lương theo vị trí công việc đối với các bộ phận, phòng chuyên môn.

Tiếp tục triển khai chương trình thu tiền nước qua hệ thống thu hộ.

Đối với các các khu vực dân cư còn thừa thớt, việc đầu tư hệ thống đường ống cấp nước chưa hiệu quả, cần tiến hành vận động người dân trong các khu vực này đóng góp 1 phần kinh phí thi công, lắp đặt đường ống cho công ty, đường ống sau khi thi công sẽ bàn giao cho Công ty toàn quyền quản lý sử dụng.

Đẩy mạnh công tác khôi phục khách hàng dùng nước, vận động, tuyên truyền các khách hàng chưa sử dụng nước sạch và khách hàng có khả năng sử dụng nước nhiều như: các khu công nghiệp, nhà máy, các cơ quan hành chính sự nghiệp. Tăng cường mối quan hệ giữa Công ty với chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

#### b) Về nguồn nhân lực

Tổ chức các khóa đào tạo về kỹ năng giao tiếp khách hàng, kiểm tra khôi phục đồng hồ nhằm góp phần nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng và gia tăng sản lượng.

Đào tạo và đào tạo lại nhân viên kỹ thuật cập nhật lại công nghệ mới liên quan đến ngành nước; đào tạo nâng cao trình độ quản trị, kiến thức phù hợp với hình thức công ty DNP Water.

Rà soát, điều chỉnh lại Quy chế trả lương cho Người lao động, thực hiện việc khoán lương cho các bộ phận trực tiếp, trả lương theo vị trí công việc đối với bộ phận gián tiếp. Đảm bảo mức thu nhập phù hợp với công việc, khuyến khích người lao động yên tâm công tác.

Rà soát việc sử dụng lao động, bố trí lao động và sắp xếp các phòng hợp lý, thực hiện tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

Có chính sách thu hút nguồn lao động có năng lực, chuyên môn bổ sung cho bộ phận sản xuất và các phòng chuyên môn.

87  
TY  
AN  
TNL  
NƯỚC  
C. B. M.

### c) Về kỹ thuật

Thực hiện công việc xúc sả đường ống nước theo kế hoạch định kỳ hằng năm nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch.

Tăng cường kiểm tra giám sát, quản lý chặt chẽ mạng lưới, sửa chữa kịp thời nhằm giảm nước thất thoát thất thu.

Đầu tư hệ thống SCada, đầu tư phần mềm Gis, phần mềm ERP call center ứng dụng trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý khách hàng và sản xuất nước. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công việc, đi đôi với việc tiết kiệm chi phí.

Đầu tư mua sắm các máy bơm, máy phát điện bổ sung cho các nhà máy và mở rộng mạng lưới cấp nước, tăng cường đầu nối khách hàng. Đầu tư mạng lưới phân phối, phát triển công tác đầu nối khách hàng nhằm cung cấp nước sạch cho người tiêu dùng. Triển khai đầu tư phát triển mạng lưới cấp nước tại một số khu vực thiếu nước vào mùa khô.

Thực hiện công tác phát triển khách hàng khu vực Đồng Xoài và Phước Long và các khu vực lân cận để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Đối với nước thô nhà máy nước Minh Hưng III: Thực hiện lắp đặt thiết bị quan trắc online để kiểm soát lưu lượng và mực nước từng giếng theo

Kiểm tra chất lượng nguồn nước thô phục vụ sản xuất, đảm bảo chất lượng nước thô đạt tiêu chuẩn QCVN 08-MT:2015/BTNM và QCVN 09-MT:2015/BTNMT. Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, chất lượng nước đạt theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế QCVN01/2009/BYT, tiến tới đáp ứng quy chuẩn địa phương.

Duy trì hình thức ghi thu mới để đảm bảo công tác ghi thu đúng tiến độ, kịp thời.

Triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm thiết bị như sau:

Công trình tuyến ống cấp nước huyện Phú Riềng.

Lắp đặt trạm tăng áp trên đường ống D355 đi Tiến Hưng (Đồng Xoài)

Tuyến ống truyền tải cấp nước đi Phước Tín thị xã Phước Long

Thay thế tuyến ống PVC D200 truyền tải Phước Bình đoạn từ van đầu nối thông tuyến về trạm bơm tăng áp 1(Phước Long

Thay thế tuyến ống PVC D150 Long Điền (Phước Long)

Mua sắm các máy bơm, máy phát điện, biến tần (Đồng Xoài, Phước Long, Minh Hưng)

Triển khai thi công các ống trục theo kế hoạch SXKD (tạm giao) được duyệt.

Tăng cường công tác giám sát, phân tích áp lực và lưu lượng ngoài mạng lưới, từng bước kiểm soát áp lực toàn mạng lưới nhằm hỗ trợ cho công tác chống thất thoát. Đẩy mạnh thực hiện công tác phòng, chống thất thoát nước, công tác dò tìm, phát hiện ống bể ở toàn Công ty

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

ST T	Họ tên	Chức danh	Ghi chú
1	Ngô Đức Vũ	Chủ tịch	Thành viên HĐQT điều hành (giữ chức chủ tịch HĐQT từ tháng 16/10/2019-24/4/2020)
2	Hồ Việt Hà	Chủ tịch	Thành viên HĐQT điều hành (giữ chức chủ tịch HĐQT từ tháng 24/4/2020)
3	Huỳnh Văn Lâm	Thành viên	Thành viên HĐQT điều hành từ 17/3/2017
6	Phan Huỳnh Tấn Hoàng	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành từ 17/3/2017
7	Vũ Anh Tuấn	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành (TV HĐQT từ 16/10/2019)
8	Trịnh Quốc Bình	Thành viên	Thành viên HĐQT không điều hành (TV HĐQT từ 16/10/2019)

#### a) Ông Ngô Đức Vũ-Chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Bắc Giang
Ngày/tháng/năm sinh	20/7/1976	Địa chỉ thường trú	Tổ 10 Pháp Vân, HoàngLiệt, Hoàng Mai, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND/Hộ chiếu số 024076000009	Ngày cấp 31/1/2013
Trình độ học vấn			

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Miễn nhiệm thành viên, Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/4/2020
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	Không
Số cổ phần sở hữu của những người liên quan đến thời điểm 31/12/2020	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Hồ Việt Hà-Chủ tịch HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	
Ngày/tháng/năm sinh	04/3/1976	Địa chỉ thường trú	A2108, tòa nhà Thăng Long No 1, Khuất Duy Tiến, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 001076006347	Ngày cấp 24/7/2015
Trình độ học vấn	Cử nhân - Ngân hàng và Tiếng Anh		

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Bầu thành viên, Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/4/2020
---------------------------------------	--

Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

c) Ông Phan Huỳnh Tấn Hoàng-Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Bình Định
Ngày/tháng/năm sinh	21/02/1981	Địa chỉ thường trú	355 Phạm Ngũ Lão, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 023595491	Cấp ngày 06/02/2009
Trình độ học vấn Kỹ sư quản trị công nghệ thông tin			

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng Quản trị
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Giám đốc Khối Xây dựng Công ty CP SX- XD – TM và NN Hải Vương
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

d) Ông Trịnh Quốc Bình-Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày/tháng/năm sinh	21/8/1982	Địa chỉ thường trú	P8, C3 TT viện sốt rét, 289 Lương Thế Vinh, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND/Hộ chiếu số 001082020833	Cấp ngày 17/02/2017
Trình độ học vấn			

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không



Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

e) Ông Vũ Anh Tuấn-Thành viên HĐQT

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Nội
Ngày/tháng/năm sinh	18/12/1975	Địa chỉ thường trú	P302-C86 T/T Văn Phòng Cục dự trữ QG, Cổng Vệ, Ba Đình, Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND/Hộ chiếu số 001075019219	Cấp ngày 28/6/2018
Trình độ học vấn			

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT
Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
---	-------

## 2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không.

### 3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành 12 cuộc họp và ban hành các nghị quyết, quyết định để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như các nội dung mà ĐHĐCĐ thường niên 2020 đã thông qua. Theo đánh giá của BKS, các quyết định của HĐQT là phù hợp với chủ trương, định hướng về chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà ĐHĐCĐ đã quyết định thông qua.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/NQ-HĐQT	08/01/2020	Nghị quyết về việc phê duyệt mức tiền lương của ban điều hành công ty.	100%
2	03/2020/NQ-HĐQT	25/02/2020	Nghị quyết về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
3	04/2020/NQ-HĐQT	02/3/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Trần Ngọc Nguyên	100%
4	05/2020/NQ-HĐQT	20/4/2020	Nghị quyết về việc danh sách ứng viên đề cử bầu bổ sung TV.HĐQT Công ty NK 2017-2021	100%
5	08/2020/NQ-HĐQT	24/4/2020	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
6	09/2020/NQ-HĐQT	5/5/2020	Nghị quyết về việc điều chỉnh chi tiết giá trị các khoản mục đầu tư tự động hóa năm 2020	100%
7	10/2020/NQ-HĐQT	26/5/2020	Nghị quyết về việc ủy quyền TGD ký hợp đồng thế chấp và phụ lục bổ sung với VDB	100%

8	11/2020/NQ-HĐQT	10/7/2020	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương đầu tư	100%
9	12/2020/NQ-HĐQT	17/9/2020	Nghị quyết về việc thống nhất chủ trương đầu tư	100%
10	13/2020/NQ-HĐQT	17/9/2020	Nghị quyết về việc nâng cấp nhà máy nước Đồng Xoài lên 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm	100%
11	14/2020/NQ-HĐQT	12/10/2020	Nghị quyết về việc dùng nguồn vốn nhân rồi lựa chọn kênh đầu tư	100%
12	15/2020/NQ-HĐQT	12/10/2020	Nghị quyết về việc chấm dứt HĐ hợp tác số 01/2019/HĐHT-T&D-BPW	100%

Chủ tịch HĐQT, cùng các thành viên HĐQT đã tích cực triển khai, thực hiện nhiệm vụ được phân công, kịp thời nghiên cứu và có các nghị quyết, quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện BTGD triển khai hoạt động kinh doanh và xử lý các tồn tại, khó khăn vướng mắc trong hoạt động kinh doanh.

## 2. Ban Kiểm soát

### 2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Số TT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Lương Thị Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm 16/10/2019
2	Lê Nhân	Thành viên	Từ 10/4/2018
3	Trương Thế Quân	Thành viên	Từ 10/4/2019

#### a) Bà Lương Thị Hương-Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Hóa
Ngày/tháng/năm sinh	04/3/1987	Địa chỉ	504 C7, KDC An Bình, p An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND/Hộ chiếu	Cấp ngày 17/8/2004

	số 172965913	
Trình độ học vấn:		

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

b) Ông Lê Nhân-Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính	Nam	Quê quán	Thành phố HCM
Ngày/tháng/năm sinh	25/02/1977	Địa chỉ thường trú	A15.01 Chung cư 695 Âu Cơ, P Tân Thành, Q. Tân Phú – TP.HCM
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMND số 225054893	Cấp ngày: 18/9/2010
Trình độ học vấn: Cử nhân Kinh tế			

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Trợ lý Giám đốc Tài chính Công ty CP SX XD TM & NN Hải Vương
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

c) Ông Trương Thế Quân-Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính	Nam	Quê quán	Quảng Bình
Ngày/tháng/năm sinh	01/10/1983	Địa chỉ thường trú	KP Thanh Bình, P Tân Bình, TP Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	CMNDsố 194247442	Cấp ngày: 01/03/2011
Trình độ học vấn: Cử nhân Kế toán			

Quá trình công tác:

Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Số cổ phần đại diện vốn góp của Nhà nước	Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân đến thời điểm 31/12/2020	3.000
Chức vụ công tác hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban kiểm soát
Các khoản nợ đối với Công ty (nếu có)	Không
Thù lao	Theo quy định của Công ty
Các khoản lợi ích khác (nếu có)	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không

## 2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong phạm vi trách nhiệm, chức năng và quyền hạn của BKS theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy chế nội bộ có liên quan. Ban Kiểm soát trong năm 2020 đã nỗ lực hoàn thành các công việc theo đúng chức năng, nhiệm vụ.

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động của Công ty.

Qua công tác kiểm tra, kiểm soát hoạt động của Công ty năm 2020, Ban kiểm soát có kết luận như sau:

Công ty và các thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS, Kế toán trưởng của Công ty đã tuân thủ các quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty trong năm 2020.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Lương thù lao Thành viên HĐQT và Ban Tổng giám đốc

STT	Chức danh	Số lượng	Số tháng	Mức lương bình quân /tháng (đồng)	Tổng quỹ lương năm 2020 (đồng)	Ghi chú
<b>1. Tiền lương năm 2020 của HĐQT, Ban TGD</b>					<b>1.374.000.000</b>	
1	Chủ tịch	01	4	36.000.000	144.000.000	

	HDQT	01	8	45.000.000	360.000.000	
2	Tổng Giám đốc	01	12	40.000.000	480.000.000	
3	Phó Tổng giám đốc	01	01	30.000.000	30.000.000	Chuyển công tác từ tháng 02/2020
4	Phó Tổng giám đốc	01	12	30.000.000	360.000.000	
<b>2. Tiền lương năm 2020 của Kế toán trưởng và Trợ lý TGD.</b>					<b>528.000.000</b>	
1	Kế toán trưởng	01	12	25.000.000	300.000.000	
2	Trợ lý TGD	01	12	19.000.000	228.000.000	
<b>Tổng cộng</b>					<b>1.902.000.000</b>	

- Thường xếp loại ABC Thành viên HDQT và Ban Tổng giám đốc Huỳnh Văn Lâm-Thành viên HDQT, Tổng giám đốc: 5.000.000 đồng.
- Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Mức thù lao năm 2020 (đồng)
Bà Lương Thị Hương	Trưởng ban	0
Ông Lê Nhân	Kiểm soát viên	48.000.000
Ông Trương Thế Quân	Kiểm soát viên	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>48.000.000</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không.

## VI. Báo cáo tài chính

### 1. Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính riêng và kiểm toán năm 2020 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH GRANT THORNTON (Việt Nam). Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất được đơn vị kiểm toán xác nhận đã phản ánh trung

thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCTC

## XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



*Hồ Việt Hà*